

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | số | t | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1,131,686,769,322 | 1,167,261,958,758 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 42,805,105,547 | 98,149,078,360 |
| 1. Tiền | 111 | | 36,805,105,547 | 98,149,078,360 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 6,000,000,000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng | 122 | | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 452,048,690,372 | 438,699,733,254 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 372,282,123,767 | 320,930,630,788 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 21,141,458,366 | 36,382,806,996 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây | 134 | | - | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 7,892,154,564 | 36,051,389,479 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 55,476,605,642 | 54,865,017,303 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (5,511,596,936) | (10,112,917,454) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 767,944,969 | 582,806,142 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 623,978,236,514 | 621,113,047,903 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 623,978,236,514 | 621,113,047,903 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12,854,736,889 | 9,300,099,241 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 6,147,010,941 | 7,479,283,150 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 6,707,725,948 | 1,820,816,091 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | - |

Cho quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất(tiếp theo)

| TÀI SẢN | số | t | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 573,028,631,544 | 508,258,160,491 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 8,165,711,332 | 6,205,711,332 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 8,165,711,332 | 6,205,711,332 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 397,730,827,888 | 360,456,832,497 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 381,354,039,529 | 342,104,736,581 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 611,259,612,424 | 546,643,152,043 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế(*)</i> | 223 | | (229,905,572,895) | (204,538,415,462) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.9 | 3,595,345,390 | 5,109,797,782 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 3,886,859,998 | 5,944,173,272 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 226 | | (291,514,608) | (834,375,490) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 12,781,442,969 | 13,242,298,134 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 18,376,408,414 | 18,355,028,414 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 229 | | (5,594,965,445) | (5,112,730,280) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.11 | 10,445,000,000 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 10,445,000,000 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 58,983,505,685 | 23,906,359,355 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 58,983,505,685 | 23,906,359,355 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 37,479,065,323 | 50,077,888,859 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 34,769,065,323 | 45,867,888,859 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 2,710,000,000 | 4,210,000,000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 60,224,521,316 | 67,611,368,448 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7 | 12,841,819,952 | 16,429,050,975 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | 47,382,701,364 | 51,182,317,473 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1,704,715,400,866 | 1,675,520,119,249 |

Cho quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | số | t | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1,214,479,111,943 | 1,231,748,391,694 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1,017,241,616,928 | 1,068,753,499,442 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 268,126,556,996 | 303,473,624,089 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 11,071,022,638 | 8,550,452,090 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 10,196,164,775 | 5,117,269,552 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 7,771,651,522 | 7,273,652,489 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 7,359,928,773 | 9,928,774,068 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế | 317 | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 48,759,388 | 45,096,439 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 2,135,175,211 | 1,425,500,004 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 709,573,152,618 | 732,711,860,924 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 959,205,007 | 227,269,787 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính chủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 197,237,495,015 | 162,994,892,252 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | | |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 30,932,506,899 | 31,331,804,716 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 2,527,732,762 | 12,122,102,965 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 163,777,255,354 | 119,540,984,571 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 490,236,288,923 | 443,771,727,555 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 490,236,288,923 | 443,771,727,555 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | | |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 367,107,230,000 | 337,107,230,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 18,846,097,352 | 33,846,427,352 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (9,484,460,000) | (9,484,460,000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 11,572,710,816 | 9,427,659,129 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II Năm 2015

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý II | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|------------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 600,660,037,678 | 563 219 658 364 | 1,064,377,290,159 | 947 566 417 605 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 24,746,243,291 | 14 673 985 855 | 54,178,971,796 | 23 891 876 968 |
| 3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 575,913,794,387 | 548,545,672,509 | 1,010,198,318,363 | 923,674,540,637 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 480,610,407,547 | 486 047 956 090 | 843,705,184,286 | 807 609 544 011 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 95,303,386,840 | 62,497,716,419 | 166,493,134,077 | 116,064,996,626 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1,188,687,830 | 792 880 200 | 1,653,781,811 | 1 888 857 085 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 25,529,521,098 | 22 259 231 484 | 39,119,633,014 | 37 886 487 798 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 20,111,971,685 | 19 830 254 468 | 32,565,254,766 | 35 188 175 778 |
| 8 Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | 3.073.474.844 | 933.426.006 | 4.014.481.475 | 1.501.136.076 |
| 9 Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 36,430,287,299 | 22 395 593 629 | 61,557,822,463 | 51 637 168 977 |
| 10 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 5,842,532,387 | 12 896 215 355 | 14,090,026,343 | 20 932 512 798 |
| 11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 31,763,208,730 | 6,672,982,157 | 57,393,915,543 | 8,998,820,214 |
| 12 Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 7,462,777,533 | 5 183 000 565 | 7,696,844,346 | 5 285 289 276 |
| 13 Chi phí khác | 32 | VI.8 | 5,442,076,334 | 39 224 025 | 7,130,672,545 | 217 917 436 |
| 14 Lợi nhuận khác | 40 | | 2,020,701,199 | 5,143,776,540 | 566,171,801 | 5,067,371,840 |
| 15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 33,783,909,929 | 11,816,758,697 | 57,960,087,344 | 14,066,192,054 |
| 16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 7,612,688,533 | 2 937 307 622 | 13,285,223,451 | 3 774 841 850 |

Cho quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý II | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-------|-------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | | | |
| 18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 26,171,221,396 | 8,879,451,076 | 44,674,863,893 | 10,291,350,204 |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | (2,106,711,705) | (728,673,425) | (2,772,907,862) | (793,754,204) |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 28,277,933,100 | 9,608,124,501 | 47,447,771,755 | 11,085,104,408 |
| 19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 825 | 370 | 1385 | 426 |
| 20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | | | | |

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Tôn Thị Thiện An

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2015
Chủ tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thu yết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|--------------|------------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 57,960,087,344 | 14,066,192,054 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 29,309,552,529 | 20,706,885,266 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (4,601,320,518) | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 1,557,581,273 | 963,856,641 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1,829,701,180) | (954,188,728) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 32,565,254,766 | 35,188,175,778 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 114,961,454,214 | 69,970,921,011 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (41,307,738,176) | (11,610,297,711) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (2,871,769,554) | (17,919,651,332) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (54,832,785,647) | (57,755,538,816) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 4,919,503,232 | (13,167,127,939) |
| - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | | |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (32,791,698,088) | (35,489,810,553) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (7,985,809,714) | (1,054,904,823) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 410,677,606 | 1,268,338,480 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (36,251,000) | (669,587,399) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (19,534,417,127) | (66,427,659,082) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (105,220,316,345) | (16,942,225,327) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác | 23 | | | (1,500,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 28,159,234,915 | |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | |



| | | | |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 16,500,000,000 | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (60,561,081,430) | (18,442,225,327) |

Cho quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|------------|------------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | 14,999,670,000 | |
| 2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 861,858,356,468 | 815,936,615,246 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (841,569,273,042) | (722,170,717,551) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (636,427,000) | (237,000,000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (9,898,398,900) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 24,753,927,526 | 93,528,897,695 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (55,341,571,031) | 8,659,013,291 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 98,149,078,360 | 22,781,586,869 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại | 61 | | (2,401,782) | 7,737,631 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 42,805,105,547 | 31,448,337,791 |

Lập ngày 14⁰ tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT







Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Vinh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn :** Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại.
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:** Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương Năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|---|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex | Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | 71,13% | 71,13% |
| Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai | Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam. | 100% | 100% |

Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Tỷ lệ phần lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|--------------------------------|---|---------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh | 30% | 30% |

Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 1.158 nhân viên đang làm việc .

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 42 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

| | Mục đích |
|--------------------------|--|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ dự phòng tài chính được dùng để chi cho các tổn thất, thiệt hại phát sinh trong hoạt động SXKD như các khoản phạt vi phạm chế độ tài chính, các khoản phạt về thực hiện hợp đồng, các khoản phạt vi phạm khác. |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

23. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

24. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phân loại nợ phải trả tài chính

Phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 12,367,123,798 | 5,388,125,450 |
| Tiền gửi ngân hàng | 24,437,981,749 | 92,760,952,910 |
| Tiền đang chuyển | | |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) | 6,000,000,000 | |
| Cộng | <u>42,805,105,547</u> | <u>98,149,078,360</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị GS</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị GS</u> |
| Ngắn hạn: | | 7,892,154,564 | | 36,051,389,479 |
| Cho công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay (a) | | 7,892,154,564 | | 7,892,154,564 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng | | | | 28,159,234,915 |
| Dài hạn: | | | | |
| Cộng | | <u>7,892,154,564</u> | | <u>36,051,389,479</u> |

-Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Công ty liên doanh, liên kết:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công CP Đầu tư Đô thị Kiến Hưng(b) | | | 15,000,000,000 | |
| Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn (c) | 34,769,065,323 | | 30,867,888,859 | |
| Cộng | <u>34,769,065,323</u> | | <u>45,867,888,859</u> | |

Đầu tư vào đơn vị khác:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty Bất động sản Havico | 2,710,000,000 | | 2,710,000,000 | |
| Công ty CP Hiway Việt Nam | | | 1,500,000,000 | |
| Cộng | <u>2,710,000,000</u> | | <u>4,210,000,000</u> | |

CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT TRONG KỲ:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex

Cho vay

Lãi cho vay 4,336,674,000

Chuyển tiền lãi sang nợ gốc vay

Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai

Góp vốn bằng tiền

Cho Công ty vay 2.000.000.000

Công ty trả tiền vay 2.000.000.000

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Bán hàng hóa, thành phẩm 164,256,708,617

Cho thuê tài sản 60,567,270

Mua lại tài sản của công ty con

Bán TSCĐ, CCDC

Thuê tài sản của công ty con 79,721,940

Mua vật tư của Sơn Hà Sài Gòn 3,863,029,885

Giao dịch khác 7,369,285

(a) Là khoản cho vay của hợp đồng số 02/2011/HDVT ngày 02 tháng 01 năm 2012, theo đó Công ty Cổ Phần Hiway Việt Nam vay số tiền là : 15.000.000.000 đồng trong vòng 01 năm, lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng VCB. Ngày 02/01/2013 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHDVT gia hạn thời hạn cho vay đến ngày 02/01/2014, Phụ lục số 02/2013/PLHDVT ngày 01/03/2013 thay đổi lãi suất cho vay tính theo lãi suất ngắn hạn bình quân hiện tại mà Công ty đang vay tại các Ngân hàng, Phụ lục hợp đồng số 01092013 ngày 01/09/2013 chuyển toàn bộ số tiền lãi vay tính đến 31/08/2013 sang nợ gốc vay. Tại thời điểm 30/06/2015 công ty đã cho vay số tiền là: 7.892.154.564 đồng.

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%. Ngày 10/12/2014 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp trên.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635 ngày 04 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 40,8 tỷ VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ 40,8 tỷ VND (trong đó vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND). Trong tháng 11/2013 Công ty đã bán 1.680.000 cổ phiếu, vậy số cổ phiếu còn lại là: 2.400.000 cổ phiếu tương ứng 30% vốn điều lệ, vậy Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn trở thành công ty liên kết.

3. Phải thu khách hàng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu khách hàng các đối tượng khác: | 282,432,254,233 | 227,992,545,094 |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan: | 89,849,869,534 | 92,938,085,694 |
| Công ty CP Phát triển năng lượng Sơn Hà | 11,455,526,809 | 42,331,332,178 |
| Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn | 78,394,342,725 | 50,606,753,516 |
| Cộng | 372,282,123,767 | 320,930,630,788 |

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu khác | 5,046,713,781 | 3,084,192,739 |
| Thuế GTGT chưa khấu trừ | 314,254,099 | 306,454,380 |
| Phải thu tiền bồi thường, hỗ trợ đất tại KCN NM Phụng | 1,681,400,000 | 1,681,400,000 |
| Các khoản phải thu khác | 3,051,059,682 | 1,096,338,359 |
| Tạm ứng | 46,228,409,331 | 43,843,856,920 |
| Ký quỹ | 4,201,482,530 | 7,936,967,644 |
| Cộng | 55,476,605,642 | 54.865.017.303 |

5. Nợ xấu

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Nợ gốc | Giá trị có thể thu hồi | Nợ gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng các khoản phải thu quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | | | | |
| Công ty TNHH TM-XNK Kim Loại Việt | 3,540,903,520 | | 3,540,903,520 | |
| Đại lý Đức Đậu-Vĩnh Phúc | 638,549,560 | | 638,549,560 | |
| Công ty TNHH TM-XNK Sinh tài | 823,157,075 | | 823,157,075 | |
| Công ty TNHH ĐT TM &PT nguồn nhân lực VIGECAM | | | 8.197.235.200 | 8.197.235.200 |
| Công ty TNHH TM Inox Hùng Anh | 1,891,351,348 | | 1,891,351,348 | |
| Các khoản phải thu quá hạn khác | 3,630,138,852 | | 1,387,021,420 | |
| Cộng | 10,524,100,355 | | 16,478,218,123 | 8.197.235.200 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------|----------------|----------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi | 39,926,470,891 | | 62,859,343,446 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| trên đường | | | | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 399,918,135,214 | | 376,907,503,654 | |
| Công cụ, dụng cụ | 8,491,997,077 | | 7,444,169,672 | |
| Thành phẩm | 134,725,002,444 | | 134,267,201,009 | |
| Hàng hóa | 40,916,630,888 | | 39,634,830,122 | |
| Cộng | 623,978,236,514 | | 621,113,047,903 | |

7. Chi phí trả trước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 6,147,010,941 | 7,479,283,150 |
| Chi phí bảo hiểm | 452,760,838 | 494,524,027 |
| Chi phí quảng cáo,biển hiệu | 1,935,853,638 | 1,398,221,413 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1,065,004,599 | 596,739,456 |
| Chi phí thuê nhà | 1,515,097,068 | 3,870,957,125 |
| Chi phí khác | 1,178,294,798 | 1,118,841,129 |
| Dài hạn | 12,841,819,952 | 16,429,050,975 |
| Chi phí bảo hiểm | | 946,080 |
| Chi phí quảng cáo,biển hiệu | 241,225,260 | 1,033,056,056 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 6,307,984,646 | 5,109,005,494 |
| Chi phí thuê nhà | 951,960,631 | 64,433,327 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 3,717,201,455 | 4,562,297,012 |
| Chi phí khác | 1,623,447,960 | 5,659,313,006 |

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 181,300,720,664 | 276,239,634,218 | 41,843,903,784 | 47,258,893,377 | 546,643,152,043 |
| Tăng trong năm | | | | | |
| <i>Mua sắm mới</i> | | 17,944,734,807 | 14,900,547,815 | 47,090,909 | 32,892,373,531 |
| <i>ĐTXDCB hoàn thành</i> | 18,370,784,924 | 13,681,173,651 | | | 32,051,958,575 |
| <i>Mua lại TSCĐ TTC</i> | | | 2,060,313,274 | | 2,060,313,274 |
| Giảm trong năm | | | | | |
| Giảm do thiếu khi | (1,087,458,306) | | | (1,300,726,693) | (2,388,184,999) |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kiểm kê

| | | | | | |
|-------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | 198,584,047,282 | 307,865,542,676 | 58,804,764,873 | 46,005,257,593 | 611,259,612,424 |
|-------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|

Giá trị hao mòn

| | | | | | |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 29,918,751,180 | 141,906,978,187 | 15,885,121,008 | 16,827,565,087 | 204,538,415,462 |
| Tăng do khấu hao trong năm | 4,004,858,352 | 15,613,514,816 | 2,417,758,933 | 2,728,648,970 | 24,764,781,071 |
| Giảm mua lại TSCĐ thuê TC | | | 805,781,066 | | 805,781,066 |
| Giảm do thiếu khi kiểm kê | (36,248,610) | | | (167,156,094) | (203,404,704) |
| Số cuối kỳ | 33,887,360,922 | 157,520,493,003 | 19,108,661,007 | 19,389,057,963 | 229,905,572,895 |

Giá trị còn lại

| | | | | | |
|-------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 151,381,969,484 | 134,332,656,031 | 25,958,782,776 | 30,431,328,290 | 342,104,736,581 |
| Số cuối kỳ | 164,696,686,360 | 150,345,049,673 | 39,696,103,866 | 26,616,199,630 | 381,354,039,529 |

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|-------------------------------|----------------------------|--|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | | 5,944,173,272 | 5,944,173,272 |
| Tăng do mua lại TTC trong năm | | 3,000,000 | 3,000,000 |
| Giảm do Mua lại TSCĐ TTC | | (2,060,313,274) | (2,060,313,274) |
| Số cuối kỳ | | 3,886,859,998 | 3,886,859,998 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | | 834,375,490 | 834,375,490 |
| Tăng trong năm do khấu hao | | 262,920,184 | 262,920,184 |
| Giảm do mua lại TSCĐ TTC | | (805,781,066) | (805,781,066) |
| Số cuối kỳ | | 291,514,608 | 291,514,608 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | | 5,109,797,782 | 5,109,797,782 |
| Số cuối kỳ | | 3,595,345,390 | 3,595,345,390 |

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|-------------------|--------------------------|--------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 11.160.608.991 | 7,194,419,423 | 18,355,028,414 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|---|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Tăng trong năm | | 21,380,000 | 21,380,000 |
| Số cuối kỳ | 11.160.608.991 | 7,215,799,423 | 18,376,408,414 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1,845,628,130 | 3,267,102,150 | 5,112,730,280 |
| Khấu hao trong năm | 118,729,884 | 363,505,281 | 482,235,165 |
| Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo TT số 45/2013/TT-BTC | | | |
| Số cuối kỳ | 1,964,358,014 | 3,630,607,431 | 5,594,965,445 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 9,314,980,861 | 3,927,317,273 | 13,242,298,134 |
| Số cuối kỳ | 9,196,250,977 | 3,585,191,992 | 12,781,442,969 |

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|-------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá | | 10,445,000,000 | | 10,445,000,000 |
| Nguyên giá | | | | |
| -Quyền sử dụng đất | | | | |
| -Nhà | | | | |
| -Nhà và quyền sử dụng đất | | 10,445,000,000 | | 10,445,000,000 |
| -Cơ sở hạ tầng | | | | |
| Tổn thất do suy giảm giá trị | | | | |
| -Quyền sử dụng đất | | | | |
| -Nhà | | | | |
| -Nhà và quyền sử dụng đất | | | | |
| -Cơ sở hạ tầng | | | | |
| Giá trị còn lại | | 10,445,000,000 | | 10,445,000,000 |
| -Quyền sử dụng đất | | | | |
| -Nhà | | | | |
| -Nhà và quyền sử dụng đất | | 10,445,000,000 | | 10,445,000,000 |
| -Cơ sở hạ tầng | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng CB dở dang:

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm và giảm khác | Số cuối kỳ |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------------|---|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 4,010,670,380 | 23,397,000,000 | (2,831,670,380) | 24,576,000,000 |
| XDCB dở dang | 19,832,190,591 | 47,590,356,620 | (33,021,622,469) | 34,400,924,742 |
| Sửa chữa tài sản cố định | 63,498,384 | 6,580,943 | (63,498,384) | 6,580,943 |
| Cộng | 23,906,359,355 | 70,993,937,563 | (35,916,791,233) | 58,983,505,685 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

13. Vay và nợ thuê tài chính

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| Vay ngắn hạn | 682,164,364,824 | 682,164,364,824 | 685,569,048,960 | 685,569,048,960 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa | 99,560,895,492 | 99,560,895,492 | 38,894,628,590 | 38,894,628,590 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân | 199,664,678,169 | 199,664,678,169 | 224,098,795,713 | 224,098,795,713 |
| Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương | 220,688,702,554 | 220,688,702,554 | 220,174,193,797 | 220,174,193,797 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây | 103,866,735,658 | 103,866,735,658 | 202,401,430,860 | 202,401,430,860 |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 58,383,352,951 | 58,383,352,951 | | |
| Vay khác | 12,162,274,960 | 12,162,274,960 | 5,353,011,000 | 5,353,011,000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 14,796,512,834 | 14,796,512,834 | 40,703,373,964 | 40,703,373,964 |
| Nợ thuê TC đến hạn trả | 450,000,000 | 450,000,000 | 1,086,427,000 | 1,086,427,000 |
| Cộng: | 709,573,152,618 | 709,573,152,618 | 732,711,860,924 | 732,711,860,924 |

| | Nợ thuê tài | | | | Cộng |
|------------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Vay ngắn hạn | Vay dài hạn đến hạn trả | chính đến hạn trả | Vay khác | |
| Số đầu năm | 685,569,048,960 | 40,703,373,964 | 1,086,427,000 | 5,353,011,000 | 732,711,860,924 |
| Tiền vay phát sinh trong năm | 805,949,229,602 | | | 8,343,109,830 | 814,292,339,432 |
| Số kết chuyển | | | | | |
| Tăng khác (CLTG) | 1,015,911,664 | 50,322,049 | | | 1,066,233,713 |
| Giảm khác (CLTG) | | | | | |
| Tiền vay đã trả trong năm | (810,369,825,402) | (25,957,183,179) | (636,427,000) | (1,533,845,870) | (838,497,281,451) |
| Số cuối kỳ | 682,164,364,824 | 14,796,512,834 | 450,000,000 | 12,162,274,960 | 709,573,152,618 |

| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
|---|---------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Vay dài hạn: | 161,329,750,354 | 161,329,750,354 | 117,093,479,571 |
| Ngân hàng Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh | 5,164,160,000 | 5,164,160,000 | 5,164,160,000 | 5,164,160,000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | | | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Thăng Long | | | | |
| Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân | 4,940,187,735 | 4,940,187,735 | 2,810,682,535 | 2,810,682,535 |
| Ngân Hàng TMCP Quân đội - CN Đống Đa | 12,952,622,027 | 12,952,622,027 | 6,486,492,000 | 6,486,492,000 |
| Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây | 120,132,083,991 | 120,132,083,991 | 102,632,145,036 | 102,632,145,036 |
| Ngân hàng TMCP ngoại thương VN- CN Hải Dương | 9,617,391,500 | 9,617,391,500 | | |
| Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương | 8,523,305,101 | 8,523,305,101 | | |
| Vay của các tổ chức khác: | 50,000,000 | 50,000,000 | 50,000,000 | 50,000,000 |
| Nợ thuê tài chính: | 2,397,505,000 | 2,397,505,000 | 2,397,505,000 | 2,397,505,000 |
| Cộng : | 163,777,255,354 | 163,777,255,354 | 119,540,984,571 | 119,540,984,571 |

| | Vay dài hạn ngân hàng | Vay dài hạn khác | Thuê tài chính | Trái phiếu | Cộng |
|-----------------------|-----------------------|------------------|----------------|------------|-----------------|
| Số đầu năm | 117,093,479,571 | 50,000,000 | 2,397,505,000 | | 119,540,984,571 |
| Số tiền vay phát sinh | 47,566,017,036 | | | | 47,566,017,036 |
| Số đã trả | (3,708,418,591) | | | | (3,708,418,591) |
| Tăng khác (CLTG) | 378,672,338 | | | | 378,672,338 |
| Giảm khác (CLTG) | | | | | |
| Số kết chuyển | | | | | |
| Số cuối kỳ | 161,329,750,354 | 50,000,000 | 2,397,505,000 | | 163,777,255,354 |

14. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả các bên liên quan: | 59,437,459 | 59,437,459 | 16,804,531,683 | 16,804,531,683 |
| - Công ty CP ĐT PT Năng lượng Sơn Hà | 59,437,459 | 59,437,459 | 16,804,531,683 | 16,804,531,683 |
| Phải trả nhà cung cấp khác | 268,067,119,537 | 268,067,119,537 | 286,669,092,406 | 286,669,092,406 |
| - Công ty JINDAL STAINLESS LIMITED | | | 58,871,897,541 | 58,871,897,541 |
| - Công ty TNHH POSSCO VST | 79,875,238,420 | 79,875,238,420 | 95,492,515,453 | 95,492,515,453 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Công ty TNHH TT gia công POSCO VN | 67,965,289,909 | 67,965,289,909 | 22,537,538,153 | 22,537,538,153 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 120,226,591,208 | 120,226,591,208 | 109,767,141,259 | 109,767,141,259 |
| Cộng | 268,126,556,996 | 268,126,556,996 | 303,473,624,089 | 303,473,624,089 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm và giảm khác | Số cuối kỳ |
|----------------------------|----------------------|------------------------------|---|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 2,936,956,924 | 4,435,724,838 | (7,400,045,705) | (27,363,943) |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | 26,279,067,237 | (27,039,605,393) | (760,538,156) |
| Thuế xuất, nhập khẩu | (333,271,770) | 2,788,978,396 | (2,770,641,019) | (314,934,393) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2,313,274,796 | 13,285,223,451 | (7,985,809,714) | 7,612,688,439 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 114,966,547 | 989,313,522 | (935,028,456) | 169,251,613 |
| Tiền thuê đất, thuế đất | | 4,058,093,690 | (540,359,690) | 3,517,734,000 |
| Các loại thuế khác | 85,343,149 | 18,412,501 | (104,428,435) | (672,785) |
| Cộng | 5,117,269,552 | 51,854,813,635 | (46,775,918,412) | 10,196,164,775 |

Trong đó:

| | Số đầu năm | Số cuối kỳ |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 5,117,269,552 | 10,196,164,775 |
| Thuế và các khoản phải thu nhà nước | | |
| Cộng | 5,117,269,552 | 10,196,164,775 |

Thuế giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

| | |
|---------------------|-----|
| Hàng hóa xuất khẩu | 0% |
| Hàng hóa trong nước | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 57,960,087,344 | 14,066,192,054 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | | 6,549,024,505 |
| - Lỗ lãi Công ty con | 9,604,807,282 | 2,749,408,396 |
| - Lợi thế thương mại | 3,799,616,109 | 3,799,616,109 |
| - Lãi lỗ do đánh giá TG Tiền và phải thu | | |
| - Chi phí không hợp lệ | 297,235,675 | |
| - Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | | |
| Các khoản điều chỉnh giảm | | (3,456,844,514) |
| - Thu nhập từ chia cổ tức | | |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu | (427,796,688) | |
| - Hoàn nhập dự phòng CTY con | (6,832,088,926) | (1,955,708,438) |
| - Lãi trong CTY liên kết | (4,014,481,475) | (1,501,136,076) |
| - Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước | | |
| Thu nhập tính thuế | 60,387,379,321 | 17,158,372,045 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo thuế suất phổ thông | 13,285,223,451 | 3,774,841,849 |
| Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | | |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 13,285,223,451 | 3,774,841,849 |

*HĐĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 814,418,180 | 1,040,861,502 |
| Chi phí hàng khuyến mại | 5,756,103,692 | 8,015,891,070 |
| Chi phí khác | 789,406,901 | 872,021,496 |
| Cộng | 7,359,928,773 | 9,928,774,068 |

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|-----------------------|
| Phải trả ngắn hạn khác: | 2,135,175,211 | 1,425,500,004 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 669,581,279 | 713,677,673 |
| Kinh phí công đoàn | 435,078,401 | 454,064,954 |
| Phải trả khác | 1,030,515,531 | 257,757,377 |
| Phải trả dài hạn khác: | 2,527,732,762 | 12,122,102,965 |
| Nhận ủy thác đầu tư góp vốn vào CTY Kiến Hưng | | 9,300,000,000 |
| Phải trả ký quỹ, ký cược | 2,527,732,762 | 2,822,102,965 |

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong kỳ</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Hoàn nhập trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|--------------------|----------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 202,239,287 | 768,186,220 | 36,251,000 | | 934,174,507 |
| Quỹ phúc lợi | 25,530,500 | | | | 25,030,500 |
| Cộng | 227,269,787 | 768,186,220 | 36,251,000 | | 959,205,007 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 337,107,230,000 | 33,846,427,352 | (9.484.460.000) | | 9,427,659,129 | 10,222,519,512 | 62,652,351,562 | 443,771,727,555 |
| Cổ đông góp vốn bằng tiền | 30,000,000,000 | (15.000.000.000) | | | | | | 15.000.000.000 |
| Chi phí tăng vốn | | (330.000) | | | | | | (330.000) |
| Lợi nhuận trong năm | | | | | | (2,772,907,862) | 47,447,771,755 | 44,674,863,893 |
| Hoàn nhập quỹ khen thưởng | | | | | | | | |
| Trích lập các quỹ | | | | | 2,145,051,687 | | (2,502,560,301) | (357,508,614) |
| Chia cổ tức | | | | | | | (10,798,398,900) | (10,798,398,900) |
| Thù lao BKS, HĐQT | | | | | | | (1,940,760,000) | (1,940,760,000) |
| Thù lao –SHA | | | | | | | (30,505,011) | (30,505,011) |
| Phân phối quỹ khen thưởng phục lợi SHA | | | | | | | (82,800,000) | (82,800,000) |
| Số dư cuối kỳ này | 367,107,230,000 | 18,846,097,352 | (9.484.460.000) | 0 | 11,572,710,816 | 7,449,611,650 | 94,745,099,105 | 490,236,288,923 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

| | Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh | Vốn đã góp của chủ đầu tư |
|-----------------------------|---|--------------------------------------|
| Ông Lê Văn Ngà | 28.014.540.000 | 28.014.540.000 |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 67.709.470.000 | 67.709.470.000 |
| Ông Lê Hoàng Hà | 53.400.000.000 | 53.400.000.000 |
| Quản lý Quỹ đầu tư Sao Vàng | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Cổ đông khác | 177.983.220.000 | 177.983.220.000 |
| Cộng | 367.107.230.000 | 367.107.230.000 |

Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 36.710.723 | 36.710.723 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 36.710.723 | 36.710.723 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | 716.060 | 716.060 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 35.994.663 | 35.994.663 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Lợi ích của cổ không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 10,222,519,512 | 13,188,763,740 |
| Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong năm | | |
| Giảm do Công ty con trở thành công ty liên kết | | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | (2,772,907,862) | (793,754,204) |
| Số cuối kỳ | 7,449,611,650 | 12,395,009,536 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 33,714,862,764 | 25,403,689,529 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 543,405,617,568 | 513,822,862,155 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 23,539,557,346 | 23,993,106,680 |
| Cộng | <u>600,660,037,678</u> | <u>563,219,658,364</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | <u>(24,746,243,291)</u> | <u>(14,673,985,855)</u> |
| Chiết khấu thương mại | (23,220,543,719) | (14,297,354,867) |
| Giảm giá hàng bán | (1,514,432,027) | (367,546,806) |
| Hàng bán bị trả lại | (11,267,545) | (9,084,182) |
| Doanh thu thuần | <u>575,913,794,387</u> | <u>548,545,672,509</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 19,434,304,866 | 20,355,702,974 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 438,894,637,999 | 445,231,587,516 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 22,281,464,682 | 20,460,665,600 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | |
| Cộng | <u>480,610,407,547</u> | <u>486,047,956,090</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 177,837,516 | 203,268,110 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 900,593,537 | 589,612,090 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 110,256,777 | |
| Cộng | <u>1,188,687,830</u> | <u>792,880,200</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 20,111,971,685 | 19,830,254,468 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 4,647,266,402 | 1,439,834,693 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | | 963,856,641 |
| Lỗ thanh lý Công ty con | | |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | | (1,955,708,438) |
| Chi phí tài chính khác | 770,283,011 | 1,980,994,120 |
| Cộng | <u>25,529,521,098</u> | <u>22,259,231,484</u> |

5. Chi phí bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 13,931,352,908 | 10,052,901,150 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 586,162,584 | 370,326,212 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 5,817,331 | |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 806,933,678 | 548,861,879 |
| Chi phí bảo hành | 919,722,622 | 1,269,563,775 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1,593,973,337 | 6,241,803,338 |
| Chi phí bằng tiền khác | 18,586,324,839 | 3,912,137,275 |
| Cộng | <u>36,430,287,299</u> | <u>22,395,593,629</u> |
| | | |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
| Chi phí nhân viên quản lý | 3,539,018,153 | 5,365,320,553 |
| Chi phí vật liệu quản lý | | 22,857,291 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 130,008,258 | 241,404,518 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 854,146,699 | 867,578,537 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3,002,215 | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 434,519,632 | 2,160,409,684 |
| Chi phí dự phòng | (3,540,767,558) | |
| Chi phí bằng tiền khác | 4,422,604,988 | 4,238,644,772 |
| Cộng | <u>5,842,532,387</u> | <u>12,896,215,355</u> |
| | | |
| 7. Thu nhập khác | | |
| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
| Tiền hỗ trợ lãi suất vay ngắn hạn VNĐ | 7,270,376,552 | 4,787,418,011 |
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | | |
| Thu tiền bán CDDC | | 14,207,004 |
| Bồi thường, phạt vi phạm | | 44,221,082 |
| Khác | 192,400,981 | 337,154,468 |
| Cộng | <u>7,462,777,533</u> | <u>5,183,000,565</u> |
| | | |
| 8. Chi phí khác | | |
| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
| Phạt do vi phạm hành chính | | |
| Giảm CCDC, tài sản do ngừng hoạt động của Công ty con VINACONEX | 3,469,136,058 | |
| Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | | |
| Chi phí khác | 1,972,940,276 | 39,224,025 |
| Cộng | <u>5,442,076,334</u> | <u>39,224,025</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|---------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 47,447,771,755 | 9,608,124,500 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 47,447,771,755 | 9,608,124,500 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 34,266,928 | 25,994,663 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1,385</u> | <u>370</u> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 27,924,657 | 25,994,663 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông bán ra | | |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | | |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành | 6,342,271 | |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | <u>34,266,928</u> | <u>25,994,663</u> |

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Hội đồng quản trị | | |
| Tạm ứng | | |
| Thanh toán tạm ứng | | |
| Ban điều hành | | |
| Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau: | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Hội đồng quản trị | 37,647,162,629 | 37,647,162,629 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính 2015, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ban điều hành | | |
| Cộng nợ phải thu | <u>37,647,162,629</u> | <u>37,647,162,629</u> |

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Vinh Sơn